

Đình, đền, chùa Việt Nam

1. Hà Giang

a. Chùa Sùng Khánh Hà Giang - Bảo vật quốc gia nơi vùng biên viễn

Địa chỉ: thôn Làng Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Là một trong những điểm du lịch tâm linh nổi tiếng tại Hà Giang, thế nên trong hành trình Du lịch Vị Xuyên – Hà Giang, bạn có thể kết hợp ghé đến văn cảnh chùa. Chùa tọa lạc tại vị thế khá đẹp với dáng lưng tựa núi thấp, mặt quay về hướng Đông.

Chùa vinh dự được Thủ tướng chính phủ công nhận là một trong những Bảo vật quốc gia, đồng thời mang nhiều giá trị to lớn về lịch sử, văn hóa của vùng đất từng một thời là “lò vôi lịch sử”, chứng kiến bao chiến công oai hùng lẫm liệt của cha ông ngày trước.

Chùa Sùng Khánh nằm cách trung tâm thị trấn Vị Xuyên khoảng độ 11km về phía Đông Bắc, cách thành phố Hà Giang tầm 9km về phía Tây Nam. Nếu di chuyển từ trung tâm thành phố, bạn sẽ phải vượt qua 9km đường đồi để có thể đến được chùa. Vốn là nơi sở hữu địa thế tương đối hiểm trở với những đoạn đường đèo quanh co cùng những khúc cua bất ngờ, thế nên mảnh đất Hà Giang là một thử thách thật sự đối với mọi người, kể cả những ai có tay lái cứng.

Trong hành trình khám phá Hà Giang, bạn có thể lựa chọn xe máy hoặc xe ô tô làm phương tiện di chuyển chính trong suốt chuyến đi. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm đi Hà Giang tự túc của MIA.vn, bạn nên lựa chọn xe máy để có thể chủ động hơn về mặt thời gian.

Hiện nay ở trung tâm thành phố Hà Giang có nhiều những cửa hàng khai thác dịch vụ cho thuê xe máy và mang xe đến tận khách sạn bạn đang lưu trú. Giá cho mỗi ngày thuê xe dao động từ 180.000 VNĐ (đối với xe số) và từ 550.000 VNĐ đến 600.000 VNĐ / ngày (đối với xe côn). Bạn chỉ việc liên hệ trước với những chủ cửa hàng xe, thông báo ngày giờ nhận xe và địa chỉ khách sạn là họ sẽ mang xe đến tận nơi, quá tiện lợi đúng không nè?

Lưu ý rằng nếu có ý định khám phá Hà Giang bằng xe máy, bạn nên chuẩn bị trước các loại giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân / căn

cước công dân, giấy phép lái xe. Ngoài ra, trong suốt hành trình, bạn phải cực kỳ cẩn thận, tuân thủ tín hiệu giao thông bởi đường xá tại Hà Giang tương đối khó nhìn với những đoạn đường đèo quanh co.

Chùa Sùng Khánh Hà Giang là nơi gắn liền với lịch sử cũng như hệ tư tưởng Phật giáo trong hai thời đại Lý – Trần ngày trước. Chùa chính thức được khởi công xây dựng vào tháng Giêng năm 1356 bởi chú Phụ Đạo (tù trưởng) Nguyễn Ân. Sau đó, vào năm 1367, một viên tướng nhà Trần bấy giờ là Tạ Thúc Ngao khi đi kinh lý qua đây đã nhờ soạn bài minh khắc trên bia đá. Nội dung của bài đã đề cập nơi người chủ xướng lập chùa Sùng Khánh ngày trước: đó là một Phụ đạo họ Nguyễn, người quản lĩnh vùng đất này. Người đó chính là Nguyễn Ân.

Sau đó, vào tháng Tám năm 1707, khi quan Phó tuần phủ đồn Hà Giang là Nguyễn Văn Trân đi ngang qua đã vận động quyên góp, sau đó cho đúc một quả chuông lớn treo ở chùa. Trên chuông có khắc một bài minh hàm chứa ý nghĩa và giá trị nhân văn sâu sắc, chủ yếu nhắc nhở đồng bào dân tộc đoàn kết, chăm lo sản xuất và giữ vững bờ cõi nước nhà.

Ít ai biết rằng, Chùa Sùng Khánh Hà Giang đã trải qua nhiều lần đổ nát, khiến cho tượng Phật và đồ thờ tự trong chùa cũng bị mai một ít nhiều. Duy chỉ có hai tấm bia đá và một quả chuông đồng là trường tồn mãi với tháng năm. Điểm nổi bật nhất của chùa chính là tấm bia đá được dựng dưới thời vua Trần Dụ Tông, tức năm 1367. Bia được đặt tương xứng trên một tấm lưng rùa đá với phần trán được bao bọc trong băng trang trí độc đáo hình cánh cung.

Năm 1989, chùa chính thức được xây dựng lại trên nền chùa cũ. Và vào năm 1993, Chùa Sùng Khánh Hà Giang vinh dự được xếp hạng di tích lịch sử. Và đến năm 1999, chùa chính thức được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia, đồng thời trở thành chốn linh thiêng của vùng đất biên viễn.

Chùa Sùng Khánh Hà Giang – Ngôi chùa có diện tích khiêm tốn

Tuy có bề dày lịch sử ấn tượng là thế, ấy vậy mà Chùa Sùng Khánh Hà Giang lại sở hữu diện tích tương đối khiêm tốn, chỉ vỏn vẹn khoảng chừng 26m² mà thôi. Chùa được xây dựng trên một vùng đất có địa thế thuận lợi với lưng tựa vào núi, mặt quay về hướng Đông.

Phía trước chùa là cánh đồng mênh mông cùng dòng suối Thích Bích chảy qua làm yếu tố minh đường. Trong khi đó, hai bên trái phải của chùa là hai ngọn núi theo thế rồng chầu, hổ phục và phía xa là dòng sông Lô uốn mình quanh co tựa tấm lụa đào mềm mại.

Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên bước vào chùa, bạn sẽ ngay lập tức nhìn thấy khu vực bệ thờ với hình ảnh bức tranh Phật bà Quan Âm được trưng bày trang trọng. Bên trái bệ thờ là tấm bia đá có giá trị to lớn, đồng thời là di sản quý mà chùa lưu giữ, cũng là nơi ghi nhớ công lao của những ai có công xây dựng chùa ngày trước.

Chùa Sùng Khánh với kiến trúc giản đơn hiếm thấy

Chùa Sùng Khánh Hà Giang là một trong những công trình thờ Phật được xây dựng từ đời Lý Trần trên miền thượng du, sở hữu lối kiến trúc đơn giản hiếm có. Vốn trước kia, chùa được xây từ gỗ và lợp mái lá. Tuy nhiên, trải qua bao thăng trầm của thời gian, chùa đã chịu cảnh đổ nát. Chỉ có sau này, chùa mới được trùng tu lại theo dạng hình chữ Nhất. Điểm đặc biệt của Chùa Sùng Khánh Hà Giang là chỉ có vòm vện một gian chánh điện cao 4.3mét với một cửa chính, hai cửa phụ, phần mái lợp ngói và xung quanh là tường gạch bao quanh.

Quả chuông đồng và bia đá thời Trần nơi chùa Sùng Khánh – Những bảo vật vô giá

Trước kia, chùa Sùng Khánh không có tượng Phật mà chỉ có vòm vện một bàn thờ cùng hai bia đá từ hai thời Trần, Lê. Nổi bật nhất ở chùa chính là quả chuông đồng lớn được đúc vào thời Lê, đồng thời là bảo vật quốc gia có giá trị và ý nghĩa to lớn. Chuông đồng cao gần 1 mét, rộng khoảng 0,67 mét, được đúc vào năm 1705 thời Hậu Lê. Trên thân chuông là những hình ảnh điêu khắc mang đậm dấu ấn của kỹ thuật điêu khắc và đúc đồng ngày trước.

Trong khi đó, bia đá tại chùa được dựng lên dưới thời Nhà Trần trên một mai rùa có bề dày 10,5cm, cao 90cm và ngang 47cm. Ngoài bái minh, bia đá còn được khắc những hoa văn tinh xảo với hình ảnh Phật, tòa sen cùng hình ảnh rồng chầu và đầu rồng nữa.

Hàng năm cứ vào những đầu năm mới, bà con dân tộc các vùng lân cận lại cùng nhau nô nức về Chùa Sùng Khánh Hà Giang để vui xuân, tổ

chức những Lễ hội mùa xuân Hà Giang. Đặc biệt, cứ vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch, chùa lại tổ chức Lễ hội Lồng Tồng của người Tày. Đây là dịp để tạ ơn trời đất, thần Nông, thần Phục Hy, Thành hoàng làng bản, đồng thời mở mùa gieo trồng mới cùng một năm mưa thuận gió hòa, cuộc sống yên lành, ấm no.

Có thể thấy, Chùa Sùng Khánh Hà Giang là một điểm du lịch tâm linh có ý nghĩa to lớn trên mảnh đất Vị Xuyên anh hùng. Dẫu trải qua bao biến cố thăng trầm của thời đại, mặc cho mưa bom bão đạn của những năm tháng chiến tranh thì chùa vẫn oai linh đứng vững, vẫn gìn giữ được những báu vật có ý nghĩa lịch sử, văn hóa từ ngàn xưa. Trong hành trình khám phá Hà Giang, nếu có cơ hội, đừng bỏ lỡ cơ hội được ngắm cảnh chùa Sùng Khánh bạn nhé.

b. Chùa Bình Lâm

Ngoài tên gọi là chùa Bình Lâm, theo Hán tự, nơi đây còn được biết đến là Bình Lâm Tự. Ngôi chùa vinh dự khi nằm trong số ít những ngôi chùa cổ có tuổi đời lên đến hàng trăm năm tại cao nguyên núi đá Hà Giang.

Bên cạnh đó, chùa Bình Lâm còn được xem là niềm tự hào của người dân Hà Giang về niềm tin tín ngưỡng ở nơi địa đầu Tổ quốc. Ngôi chùa thể hiện niềm tin, khát vọng và mong muốn của nhân dân về một cuộc sống hòa bình, an lành và hạnh phúc.

Mỗi năm, chùa Bình Lâm thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế ghé thăm. Một trong những lí do chính khiến nơi đây trở lên nổi tiếng chính là mức độ linh thiêng được người dân truyền tai nhau.

Trước kia, chùa Bình Lâm tồn tại phía dưới chân núi đối diện với vị trí hiện nay của ngôi chùa. Tuy nhiên do một vài biến cố, nơi đây chỉ còn lại tro bụi mỗi nền chùa. Không gian hoang sơ, u ám bao phủ lấy ngôi chùa.

Cho đến năm 2005, Bộ Văn hóa Thông tin đã xếp di tích kiến trúc nghệ thuật chuông chùa Bình Lâm thuộc vào di tích Quốc gia cần được bảo tồn và phát triển. Đặc biệt, ngày 22/11/2007, chùa Bình Lâm Hà Giang chính thức được khánh thành với tổng diện tích lên tới 140 mét vuông.

Ngôi chùa thể hiện sự thành tâm của chính quyền và người dân tỉnh Hà Giang bởi họ là người đã góp công góp sức phục dựng lại nơi đây. Hơn

nữa, mỗi năm, chùa Bình Lâm đều được tu sửa và gìn giữ được cái gốc ban đầu của nó.

Nằm ẩn mình giữa núi non trùng điệp, chùa Bình Lâm tự hào là ngôi chùa lâu đời tọa lạc tại thôn Tông Mường, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Ngôi chùa thường được các tín đồ Phật giáo ghé thăm bởi sở hữu vị trí ngay gần trung tâm thành phố Hà Giang.

Không những vậy, Vị Xuyên còn là ngôi nhà chung của 15 dân tộc anh em như Tày, Thái, Dao, Mông, Lô Lô,... Chính vì thế, ngôi chùa cũng đôi nét thể hiện nét văn hóa của đồng bào dân tộc nơi đây.

Bên cạnh đó, Vị Xuyên được mệnh danh là vùng đất mang vẻ đẹp hoang sơ pha chút sự thơ mộng. Bởi nơi đây đã từng nhuộm màu khói lửa chiến tranh. Ngoài ra, khi đặt chân đến huyện Vị Xuyên, du khách còn có cơ hội tham quan nhiều khu di tích lịch sử như chùa, đền, hang động sâu hun hút vô cùng thú vị.

Hà Giang là điểm đến được đông đảo du khách lựa chọn. Do đó, nhiều nhà xe đã và đang tập trung khai thác tuyến đường từ Hà Nội đến Hà Giang với đa dạng các dòng xe khác nhau. Hành khách có thể sử dụng xe limousine 16 chỗ hay xe 29 – 54 ghế/giường nằm vô cùng tiện lợi.

Xe khách Hà Nội – Hà Giang là phương tiện di chuyển thuận tiện được nhiều du khách lựa chọn. Bên cạnh đó, mức giá vé phải chăng dao động từ 200.000đ – 500.000đ/ vé/ người cũng là lí do khiến hành khách sử dụng mô hình này.

Khách du lịch có thể bắt xe khách tại các bến xe lớn ở Hà Nội như bến xe Mỹ Đình, Giáp Bát và Gia Lâm... Thêm vào đó là khung giờ chạy phổ biến kéo dài từ 12h00 – 23h00 hàng ngày. Sau đây là một vài nhà xe uy tín mà bạn có thể tham khảo: Bằng Phấn, Hà Giang Epic, Quang Nghị,...

Ngay khi đặt chân tới Hà Giang, du khách có thể sử dụng dịch vụ cho thuê xe máy tự lái đầy tiện nghi để khám phá các địa danh mà du khách yêu thích. Mức giá thuê dao động từ 150.000đ – 180.000đ/ngày.

Tuy nhiên, nếu bạn muốn tiết kiệm chi phí đi lại thì di chuyển bằng phương tiện cá nhân cũng được xem là một ý kiến hay. Bạn cần biết

khoảng cách từ Hà Nội tới Hà Giang là hơn 300km do đó phải mất 7 – 9 tiếng di chuyển. Vì vậy, du khách phải chuẩn bị một sức khỏe tốt đi kèm cùng một tay lái đã có bằng lái xe để đảm bảo an toàn.

Hiện nay có rất nhiều con đường đi từ Hà Nội tới Hà Giang:

- Cách 1: Xuất phát tại đại lộ Thăng Long (Hà Nội), du khách rẽ vào quốc lộ 21. Sau đó, tiếp tục di chuyển sang quốc lộ 32. Vượt qua cây cầu Trung Hà đi đến tiếp theo chính là thị xã Phú Thọ. Kế đó, đi dọc quốc lộ 2 lần lượt tới các điểm Tuyên Quang – Việt Quang – Hà Giang.
- Cách 2: Xuất phát tại Hà Nội, du khách di chuyển theo cao tốc Nội Bài – Lào Cai. Sau đó, rẽ vào thành phố Tuyên Quang, chạy thẳng là đến Hà Giang (cách này áp dụng đối với phương tiện ô tô).

Trung tâm thành phố Hà Giang cách chùa Bình Lâm khoảng 15.5km, do đó, thời gian di chuyển dự kiến rơi vào khoảng 30 phút. Bên cạnh đó, du khách có thể di chuyển đến chùa Bình Lâm Hà Giang theo bản đồ chỉ dẫn ven đường hoặc sử dụng google map cũng vô cùng tiện lợi.

Một trong những điểm thu hút du khách ghé thăm chùa Bình Lâm Hà Giang phải kể đến chiếc chuông cổ đã tồn tại được 722 năm thuộc sự quản lý của ngôi chùa. Người dân nơi đây xem chuông cổ như là “linh hồn” của Bình Lâm Tự, thể hiện nét đẹp cổ kính mà thời xưa để lại.

Để giúp chiếc chuông tồn tại mãi với thời gian, nguyên liệu chính được sử dụng đó là đồng. Theo như sổ sách ghi lại, chuông cổ do chính tay thủ lĩnh Nguyễn Anh đúc vào giờ Ngọ ngày rằm tháng ba năm Ất Mùi. Tức năm 1925 khi nhà Trần cai trị đất nước.

Kinh phí để hoàn thiện chiếc chuông đồng được chính thủ lĩnh Nguyễn Anh cùng với gia quyến tích góp lại. Sau đó khoảng vài tuần, chuông cổ hoàn thành và được người dân lưu giữ cho đến tận bây giờ. Ngày nay, đồng bào sinh sống tại Vị Xuyên coi nó như một báu vật giúp vùng đất phát triển du lịch tâm linh.

Theo người xưa kể lại, chuông cổ có khả năng thức tỉnh nhân tâm, giúp con người thả lỏng tâm hồn và xóa bỏ những sân si trong cuộc sống. Đặc biệt, nó còn được xem là phép tính chính trị giúp nhiều vương tướng đánh đuổi giặc xâm lăng.

Đặc biệt, chuông cổ chùa Bình Lâm còn nằm trong danh sách những chiếc chuông ra đời sớm nhất trong lịch sử nước ta. Chuông chùa được thiết kế theo hình một khối trụ khuôn vòm kín, bên trong rỗng ruột.

Kích thước cụ thể của chiếc chuông với bán kính miệng khoảng chừng 30cm. Chiều cao chính xác là 101cm, trong đó, quai chuông cao 17cm và phần thân còn lại cao 84cm. Đồng thời, chuông có tổng khối lượng lên tới 193kg.

Yếu tố làm nên sự đặc sắc của chuông chùa Bình Lâm chính là lối thiết kế tỉ mỉ và cầu kì. Trước hết là phần quai chuông nổi bật với đôi rồng được đúc nổi. Rồng được xem là biểu tượng thiêng liêng, thể hiện sự cao quý. Chính vì vậy, đôi rồng quay lưng vào nhau mang đến điểm nhấn cho chiếc chuông.

Mỗi con rồng được đúc có hai chân, từng chi tiết như bộ móng vuốt sắc nhọn, vẩy nổi, hàm răng nhe đều được thể hiện rõ nét khiến du khách ấn tượng. Đặc biệt, thân rồng chắc khỏe, uốn lượn tạo hình núm chuông. Bên cạnh đó, xung quanh con rồng còn được khắc thêm những đóa hoa sen vô cùng đẹp mắt.

Thân chuông được chia thành 2 phần, mỗi phần bao gồm 4 ô hình chữ nhật. Xen kẽ giữa các hình chữ nhật dọc là 5 đường gờ nổi chạy song song với nhau. Mỗi thanh dọc toát lên vẻ thanh thoát và hài hòa với các họa tiết khác. Thêm vào đó là các thanh ngang chạy song song ở trên nóc, giữa chuông và đế chuông.

Điểm nhấn của chuông chùa Bình Lâm Hà Giang chính là bài Minh Khai được khắc trong lòng 4 ô hình chữ nhật ở phần thân trên. Bài Minh Khai bao gồm 309 chữ Hán, mỗi chữ đều được khắc rõ nét. Đặc biệt, ba chữ “Phụng Tam Bảo” được khắc to hơn thể hiện dấu ấn của viên thủ lĩnh Nguyễn Anh cùng vợ là Nguyễn Thị Ninh.

Phần miệng chuông được đúc loe ra. Xung quanh chạm trổ 45 bông hoa sen cánh to xen lẫn 45 bông hoa sen cánh nhỏ mang đến vẻ đẹp vừa vững chắc vừa mềm mại. Không chỉ vậy, chuông chùa còn thể hiện ý nghĩa Phật giáo vô cùng tâm linh.

Có thể nói, chuông chùa Bình Lâm Hà Giang là kỉ vật độc nhất vẫn giữ được tương đối nguyên bản từ thời cha ông ta để lại. Do đó, năm 2005,

chuông chùa được xếp hạng là di tích kiến trúc cấp quốc gia. Đến năm 2013, chuông chùa lại tiếp tục vinh dự được nhà nước công nhận là bảo vật quốc gia.

Tọa lạc giữa núi non hùng vĩ, trùng điệp, chùa Bình Lâm Hà Giang mang vẻ đẹp huyền bí cùng lối thiết kế cổ xưa. Bên cạnh đó, mái ngói âm dương nhuộm màu thời gian đã thể hiện dấu ấn lâu đời của ngôi chùa trên mảnh đất Vị Xuyên.

Bước vào không gian ngôi chùa, hình ảnh 5 cái cột sa mộc sừng sững khiến du khách không khỏi ấn tượng. Tất cả được làm bằng gỗ quý mang đến sự sang trọng và cao quý cho chùa Bình Lâm Hà Giang.

Khu vực hòm công đức được đặt tại hai bên góc trái và phải của ngôi chùa. Ba cánh cửa gỗ được mở rộng cũng giúp không gian bên trong ngôi chùa trở nên thoáng đãng và sáng sủa.

Chùa Bình Lâm Hà Giang được xây dựng trên nền đất cao với 9 bậc thang đưa du khách đến với thế giới của Phật tử. Đặc biệt, hồ nước êm ả phía trước ngôi chùa càng khiến không gian trở nên thanh bình và yên tĩnh.

Ngoài ra, khuôn viên sân vườn rộng rãi được lát gạch đỏ thường xuyên là nơi tổ chức lễ hội đầu xuân mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, đông đảo các tín đồ Phật giáo ghé thăm nơi đây để dâng hương dâng lễ tỏ lòng biết ơn, cầu mong may mắn, bình an.

Chùa Bình Lâm là chốn linh thiêng vì vậy khi ghé thăm nơi đây, du khách cần giữ cho cái tâm thật thanh tịnh. Bên cạnh đó, tuyệt đối không được phép có hành động xấu xa khi lễ bái trong chùa cũng như đùa cợt, gây ồn ào, vắng tục chửi bậy.

Trang phục cũng là yếu tố vô cùng quan trọng. Ưu tiên lựa chọn những bộ quần áo kín đáo, lịch sự. Không được phép diện những chiếc váy ngắn qua đầu gối, áo hở vai, quần đùi...

Kể tiếp, du khách không nên rải tiền lẻ tại các khu vực như bát hương, giếng nước, gốc cây... bởi đó là hành động thiếu văn hóa. Nếu có nhu cầu quyên góp ủng hộ chùa hãy bỏ tiền vào hòm công đức.

c. Đền Mẫu Hà Giang

Di tích lịch sử văn hóa Đền Mẫu (Cấm sơn linh từ) được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2007, nằm trên địa bàn tổ 6, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang.

Mở đầu là cổng đền - còn gọi là "nghi môn", được xây bằng gạch, quét ve màu vàng. Đây là kiến trúc duy nhất còn giữ được nguyên trạng cổ xưa. Mái của nghi môn gồm 2 tầng, 8 mái được đắp ngói giả loại ngói máng âm dương, các góc của mái được tạo thành những đầu đao hình rồng, có đầu và đuôi xoắn. Đỉnh của nghi môn đắp nổi lưỡng long châu nguyệt, phía dưới đắp nổi 3 đại tự "Cấm Sơn Từ" (Đền núi Cấm).

Tầng mái thứ hai của nghi môn, các góc mái đao cũng đắp nổi hình 4 con rồng châu vào giữa, gần góc mái đắp 4 con nghê châu vào, dưới tầng mái đắp nổi hình lưỡng long châu nguyệt, cùng những hình vân mây, sóng nước khá đẹp mắt. Nghi môn có ba cửa hình vòm, hai trụ cổng hình chữ nhật tạo thành một thế vững chãi. Tại trụ chính của nghi môn có đôi câu đối chữ Hán, nhưng đến nay chữ bị bào mòn không đọc được. Cổng Đền cao hơn 7m, ngoài nghi môn chính, còn có 4 trụ cột được chia đều ở hai bên với độ cao dần từ trong ra ngoài, được đắp hình vuông, ở đầu các trụ đắp nổi 4 con chim phượng, đuôi vênh lên trời, đầu chúc xuống đất tỏa ra 4 hướng tạo thành bông hoa sen cách điệu. Từ trên xuống khoảng 1/3 các trụ được tạo thành những ô vuông (mỗi trụ có 4 ô vuông) - gọi là phần "ô lồng đèn", đắp nổi nhiều hình các loài cây, con như: Tùng, cúc, trúc, mai, rồng phun nước, rùa cổng kinh thi, cá vượt vũ môn... đều tượng trưng cho sự thanh tao, kiên nhẫn. 4 trụ cột hoa biểu này cũng có những câu đối bằng chữ Hán, nhưng cũng như nghi môn, đều không rõ chữ, không đọc được.

Đi qua nghi môn là con đường Thần đạo được lát bằng gạch vuông, đường rộng 3m, bên trái mới xây một miếu thờ Sơn Thần quay mặt vào chính diện cửa chính của ngôi đền. Ngoài miếu thờ Sơn Thần, còn có hồ bán nguyệt, và động Sơn Trang. Qua khu vực miếu Sơn Thần là một khoảng sân rộng rãi và thoáng đãng, được lát gạch đỏ vuông là đến khu đền thờ chính gồm nhà Tiền tế ở chính giữa, hai bên là hai nhà Tả vu và Hữu vu.

Nhà Tiền tế gồm 3 gian, 2 trái, xây theo hình chuôi vồ, lợp ngói mũi hài, tường hồi bít đốc. Đền Mẫu được xây theo kiểu kiến trúc "chồng diêm" 2 tầng, 8 mái, theo thuyết dịch học là 4 phương tám hướng. Các đầu đao, lá mái được đắp nổi hình đuôi rồng cách điệu chạy dọc theo bờ ghim.

Phần vì kèo bằng bê tông cốt thép đổ giả cột gỗ, cửa chính được lắp ghép bằng những phiến gỗ rộng theo hình thức "bức bàn". Hệ thống cột cái, cột công đều bằng bê tông liên kết với nhau theo kiểu vì kèo "giá chiêng". Phía trên cửa sổ là những song gỗ tròn, phía dưới cửa bùng ván được bố trí theo kiểu "thượng song hạ bản".

Nhà Tiền tế được trang trí lộng lẫy, phía trên cao là bức hoành phi được sơn son thếp vàng rực rỡ. Là gian thờ chính, có ban thờ Tam tòa thánh Mẫu, gồm: Tiên Thiên thánh Mẫu Liễu Hạnh; Mẫu Thượng Ngàn đệ nhị; Mẫu Thoải đệ tam.

Ngoài thờ chính là Thánh Mẫu, Theo đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam, Đền còn thờ các anh hùng dân tộc như Đức thánh Trần Hưng Đạo, Đức Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Các công trình khác là hai nhà Tả vu và Hữu vu giống nhau, mỗi nhà gồm 3 gian, 2 trái, mái lợp ngói mũi hài, cửa được làm bằng gỗ ghép theo kiểu bức bàn "thượng song hạ bản". Dải bờ nóc tạo những nét cong uốn lượn hình rồng. Nói chung hai nhà Tả vu và Hữu vu được xây dựng đơn giản. Thông thường hai nhà Tả vu và Hữu vu là nơi để chuẩn bị các đồ lễ, và cũng là nơi nghỉ ngơi của Thủ từ và những người có trách nhiệm của nhà đền. Do Đền Mẫu đang trong thời gian xây dựng, trùng tu và hoàn thiện, vì vậy nhà Tả vu hiện còn thờ pho tượng Phật A Di Đà và pho tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay.

Đền còn lưu giữ quả chuông đồng đúc năm Thành Thái Đinh Mùi (1907). Tồn tại đến ngày nay với hơn 120 năm, ngoài giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, Đền Mẫu còn là nơi diễn ra những lễ hội dân gian truyền thống. Lễ hội dân gian diễn ra tại Đền Mẫu có liên quan đến tục thờ Thánh Mẫu. Đền Mẫu còn là nơi thờ các Thần linh, Đức Thánh Trần - là những bậc tiền nhân có công với cộng đồng làng, xã, dân tộc trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của người Việt Nam.

Các công trình kiến trúc của Đền hiện nay mới được trùng tu, quy mô vừa phải, kiến trúc xây dựng theo nguyên mẫu của các ngôi đền cổ Việt Nam, vẫn giữ được nguyên vẹn hình thức kiến trúc mang tính truyền thống. Đặc biệt, trong xu hướng phát triển mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa hiện nay, Đền Mẫu và các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo trên đất Hà Giang sẽ là hình ảnh minh chứng cho bề dày lịch sử văn hóa của vùng đất biên cương Tổ quốc.

d. Đền Quan Hoàng - Điểm du lịch tâm linh trên Cao nguyên đá Đồng Văn

Đền Quan Hoàng hay còn được biết đến với tên gọi khác là đền Công Hoàng thuộc thôn Đồng Lục, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn. Đền có diện tích là 87,90m². được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII do người Lô Lô lập nên để thờ ông Công Hoàng - một vị anh hùng người dân tộc Lô Lô. Ông được thờ phụng như một vị phúc thần có công xây dựng và bảo vệ xóm làng đem lại cuộc sống ấm no, thanh bình cho cả một vùng rộng lớn và là người đứng đầu cai quản cộng đồng người dân tộc Lô Lô ở Đồng văn.

Trước đây ở vùng thị trấn Đồng Văn ngày nay có nhiều người dân tộc Lô Lô sinh sống, đứng đầu cai quản người Lô Lô vùng này tên là Công Hoàng người Lô Lô Hoa còn gọi ông là Vua của người Lô Lô. Ông có uy tín lớn đối với người bản địa và có công khai khẩn đất đai và xây dựng làng xã khu dân cư ở khu vực thị trấn Đồng Văn ngày nay. Vào thời kỳ loạn lạc quân cờ đen sang xâm chiếm khu vực Đồng Văn, chúng giết người, cướp của, đốt phá nhà của dân. Các triều đại nhà Nguyễn đã cử ông cầm quân đứng lên diệt giặc cờ đen bảo vệ xóm làng. Để tưởng nhớ công lao, sau khi ông qua đời bà con người Lô Lô đã lập đền thờ ông gọi là đền ông Công Hoàng. Năm 1960 một người khách đến thăm đền đã vẽ lên 2 bức hình một nam, một nữ bằng mực đen tô màu hồng tươi tượng trưng cho ông bà Công Hoàng.

Các di vật cổ của ngôi đền gồm: các bệ thờ theo kiến trúc cổ, tượng thờ, chuông, khánh, ... nhưng sau chiến tranh biên giới 1979 đến nay các hiện vật này đều không còn.

Với quy mô và diện tích không lớn nhưng mang dấu ấn và bề dày lịch sử cả một vùng rộng lớn, đền được công nhận là Di tích cấp tỉnh vào năm 2013.

Hàng năm vào ngày Ngọ tháng 2 âm lịch bà con lại đến đền Công Hoàng lễ rất đông vì ngày này theo các cụ cao niên là ngày sinh của Ông và ngày Mùi là ngày sinh của Bà Công Hoàng. Đền là điểm tâm linh rất linh thiêng, các gia đình muốn xin con thường đến đền cầu tự vào ngày Ngọ tháng 2 âm lịch và các ngày Mùi, sau này đều được như ý, từ đó đền Công Hoàng là điểm tâm linh thu hút rất đông bà con trong khu vực và du khách thập phương đến để lễ cầu con cái, cầu tài lộc.

2. Cao Bằng

a. Đền Bà Hoàng

Đền Bà Hoàng thuộc phường Sông Bằng (khu Nà Cạn cũ), thành phố Cao Bằng, thờ Minh Đức Hoàng Hậu, vợ của Nùng Tồn Phúc, mẹ của Nùng Trí Cao.

Khi xưa, đền Bà Hoàng tọa lạc ven chân núi Kim Pha sừng sững, bạt ngàn rừng đại ngàn nhiệt đới nguyên sinh; cạnh đó là núi Mã Phi như bầy ngựa chiến nhấp nhô tung vó in hình lên lưng trời xanh thẳm. Phía bên phải là con suối nước trong vắt, quanh năm rì rào chảy về cánh đồng Nà Cạn cung cấp nước tưới tiêu cho lúa và hoa màu tươi tốt quanh năm. Toàn cảnh phía sau đền như bức tranh rồng bay, phượng múa, sơn thủy hữu tình đẹp huyền ảo, làm cho ngôi đền càng linh thiêng.

Hiện nay, Đền được xây bằng gạch, ba gian lợp ngói âm dương, mỗi gian rộng 3 m; hai đầu hồi trang trí đôi phượng hoàng đang rộng cánh bay hướng lên trời. Gian giữa có một bệ thờ đặt tượng Bà Hoàng trùm khăn đỏ, phía trái đền dựng một gian bếp để phục vụ những ngày tế lễ. Mặt trước đền là khoảng sân rộng rãi, bằng phẳng có thể tổ chức các trò chơi dân gian, hát then, sli, lượn...

Minh Đức Hoàng Hậu là người phụ nữ danh tiếng, một thời lừng lẫy gắn liền với chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc trên vùng đất biên viễn phía Bắc. Thế kỷ XI, năm Mậu Dần 1038, một tù trưởng tên là Nùng Tồn Phúc ở châu Quảng Nguyên (vùng đất Cao Bằng ngày nay) tự xưng là Chiêu Thánh Hoàng Đế, đặt quốc hiệu Trường Sinh, lập vợ là A Nùng làm Hoàng hậu, cát cứ một vùng rộng lớn đối diện với nhà Tống ở bên kia biên giới. Triều Lý cho là làm phản, năm 1039, vua Lý Thái Tông thân chinh thống lĩnh đại quân lên Cao Bằng dẹp loạn, bắt được Nùng Tồn Phúc và con trưởng Nùng Trí Thông dẫn giải về kinh đô xử tội. Hai mẹ con A Nùng và con thứ là Nùng Trí Cao chạy thoát thân. Năm Tân Tỵ niên hiệu Càn phủ hữu đạo thứ ba triều Lý 1042, Trí Cao thừa kế chức cha xin dâng biểu triều đình. Vua Lý thương tình, ra chiếu tha tội và cho mẹ con Trí Cao cai quản châu Quảng Nguyên để giữ vững vùng đất phen dậu và ban cho đô ấn, phong chức Thái bảo. Năm Nhâm Ngọ niên hiệu Minh đạo nguyên niên 1043, hai mẹ con chiếm cứ được 3 châu: Do Lôi, Hòa Động, Thảng Do và dựng nên nước Đại Lịch. Nhà Lý cho thêm 4 động: Hỏa Lôi, An Bình, Bà và châu Tư Lang. Sau đó, Trí Cao dâng biểu triều đình dẫn binh đánh Ung Châu nhà Tống, mở rộng bờ cõi. Cuộc chinh phạt đánh đâu thắng đấy, sau đó lấy được cả vùng đất Lĩnh Tây.

Năm 1049, Trí Cao và bà A Nùng chiếm giữ được châu An Đức, tự xưng là Nam Thiên Quốc; đến năm 1052, đánh chiếm xong Ung Châu, Trí Cao xưng là Nhân Huệ hoàng đế và đặt Quốc hiệu Đại Nam, thế mạnh như chẻ tre, đến đâu cũng vỗ về an dân, được nhân dân ủng hộ. Nhà Tống phải khiếp sợ kinh hoàng,

ra chiếu: nếu ai giết được A Nùng hoặc Trí Cao sẽ được thưởng 3.000 quan. Theo truyện lưu truyền trong dân gian, một năm sau đó, Nùng Trí Cao bị thua trận ở Côn Lôn, chạy về phủ thự, ngày ngày buồn bã rồi cưỡi ngựa đi đâu biệt xứ. Bà A Nùng chiếm giữ động Đặc Ma, nay là vùng Vân Sơn tỉnh Vân Nam, nuôi trí trả thù cho con, bà sai Nông Hạ Khanh chiêu tập binh lính lên tới hơn vạn quân, mua sắm vũ khí, dự trữ lương thực, lập đội kỵ binh đánh lên phía Bắc, làm rung chuyển đất Ung Châu. Sau đó bị thua trận, bà chạy về Quảng Nguyên và qua đời tại đây.

Minh Đức Hoàng Hậu A Nùng là người phụ nữ đôn hậu, mạnh mẽ, tài giỏi, mưu lược. Bà có công lớn nuôi dạy, rèn luyện võ nghệ cho con trai Nùng Trí Cao, sau này Trí Cao trở thành một dũng tướng miền biên ải, người anh hùng giúp nhà Lý dựng nên thành lũy trấn giữ biên cương, bảo vệ một vùng rộng lớn cương vực phía Bắc của lãnh thổ quốc gia. Bà là quân sư trực tiếp cho Trí Cao trong từng trận đánh và được nhà Lý mời làm cố vấn tướng lĩnh. Ngoài ra, bà còn dạy nhân dân trồng lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc, được dân chúng suy tôn là Thần gia súc.

Nhà Lý đặc chiếu truy phong bà A Nùng làm Bà Hoàng Đại Vương. Để ghi nhớ công lao của bà, nhân dân châu Quảng Nguyên lập đền thờ tại thôn Phù Vạn, xã Kim Pha, châu Thạch Lâm. Ngôi đền mang tên đền Bà Hoàng từ đó. Thời triều Lý, ngôi đền được phong là Thượng đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc lễ. Các triều đại tiếp tục vinh tôn gia phong mỹ tự: Bà Hoàng phổ ứng hiển linh diệu cảm, Hồng hựu tinh trấn biên phu linh thông, phục viễn ninh cảnh, Vũ di hiển hựu, Cảm ứng hộ quốc, Ninh dân dương vũ đình công Đại Vương.

Năm 1947, thực dân Pháp phá đền, dựng đồn bảo vệ sân bay Nà Cạn; để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, nhân dân vùng Nà Cạn đã dựng lại đền trên nền đất cũ để có chỗ hương bái thờ bà. Hiện tại, trong đền chỉ có một bệ thờ bằng gạch ốp, gạch men cao khoảng 70 cm, dài 1,6 m, rộng 80 cm. Ban thờ đặt 4 bát hương, ở giữa là bát hương to; trên tường phía bên trong treo một bức trướng vải đỏ và câu đối giấy đỏ bằng chữ Hán; hai bên treo hai chiếc quạt lụa màu tím.

Lễ hội đền Bà Hoàng được tổ chức hai ngày trong năm, là ngày 15 tháng Giêng và ngày 5/5 âm lịch. Lễ hội vừa thể hiện lòng thành kính với Bà Hoàng Đại Vương, vừa mang tính chất cầu mùa, cầu phúc, mong bà ban cho cuộc sống an lành, may mắn. Để chuẩn bị cho ngày hội, nhân dân trong vùng tự giác đóng góp mỗi nhà một bó gạo, ít tiền mua hương, hoa, tổ chức nghi lễ. Lễ vật thờ cúng gồm: mâm xôi, con lợn quay hoặc thủ lợn; đặc biệt có thêm một đoạn

phèo non, sau thay bằng bánh chè lam cùng với hoa quả và 3 bông lau to, tượng trưng cho bông lúa được mùa.

Gia đình được chọn để dâng mâm lễ là gia đình làm ăn thuận lợi từ năm trước, mọi người đều mạnh khỏe, con cháu thành đạt, ngoan ngoãn. Nghi lễ diễn ra long trọng, chủ tế là người có vai vế, uy tín trong vùng. Sau khi xong phần nghi lễ, gia đình dâng mâm lễ sẽ cắm 3 bông lau đem về cắm vào ruộng nhà mình, với ước mong cả vùng đều được mùa bội thu. Tại lễ hội còn tổ chức các trò chơi dân gian ngay tại sân trước đền, sau đó, mọi người cùng nhau thụ lễ, ăn uống vui vẻ, đoàn kết, đông vui, thăm tình làng, nghĩa xóm, khu phố.

Đền Bà Hoàng là di tích lịch sử văn hóa thờ Thượng đẳng thần Bà Hoàng Đại Vương A Nùng, một nhân vật nổi tiếng trong lịch sử thế kỷ XI, người phụ nữ thao lược, tài ba, có công lớn trong thời nhà Lý. Hình ảnh của bà và ngôi đền thờ đã đi vào các trang tư liệu cổ như Đại Việt sử ký toàn thư; trong cuốn Đền thờ và lăng tẩm Việt Nam, Bà Hoàng Đại Vương A Nùng đã được vinh danh trang trọng. Đến với đền Bà Hoàng, chúng ta hiểu biết thêm về một trang sử hào hùng, biết ơn và tự hào về một bậc tiền nhân - người mẹ của Khau Sầm Đại Vương Nùng Trí Cao, khơi dậy lòng yêu nước trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Đền được Nhà nước công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh ngày 4/11/2008.

b. Đền Kỳ Sầm

Đền Kỳ Sầm tọa lạc trên một quả đồi thấp, sát chân núi Khau Sầm thuộc thôn Bản Ngàn, xã Vĩnh Quang (Thành phố). Ngôi đền thờ nhân vật lịch sử, danh tướng Nùng Trí Cao (1025 - 1053), dưới triều vua Lý Thái Tông. Một trong những ngôi đền được nhân dân xây dựng từ lâu và trải qua trùng tu, tôn tạo nhiều lần, có quy mô lớn vào bậc nhất trong các loại hình đền, chùa, miếu trên địa bàn tỉnh.

Đền được xây dựng trên một khuôn viên rộng, kiến trúc hình chữ “nhị”, mang dáng dấp phong cách kiến trúc thời nhà Nguyễn, có nhà bái đường và hậu cung. Tại nhà bái đường có một ban thờ. Phía trong hậu cung có ba ban thờ, chính giữa thờ Nùng Trí Cao, bên trái thờ mẹ A Nùng, bên phải thờ ba người vợ: Vương Lan Anh, Đoàn Hồng Ngọc, Trần Thị Cẩm. Quá trình gây dựng ngôi đền, với lòng ngưỡng mộ vị dũng tướng, nhân dân đã cung tiến một số đồ thờ quý, như đôi hạc bằng đồng, một số lư hương, chuông đồng..., trong khuôn viên được quy hoạch trồng nhiều cây cảnh bên cạnh các cây đa cổ thụ xum xuê, làm cho ngôi đền thêm trầm mặc, linh thiêng.

Nùng Trí Cao sinh năm 1025, là con của Nùng Tồn Phúc, thủ lĩnh châu Thăng Do. Ngay từ thuở thiếu thời, Nùng Trí Cao là một cậu bé khỏe mạnh, đẹp trai, hiếu động, thông minh lạ thường, học giỏi chữ nghĩa, võ nghệ như bẩm sinh. Năm 1038, Nùng Tồn Phúc chiếm hai châu Vũ Lặc và Quảng Nguyên, lập nên nước Trường Sinh, tự xưng là Chiêu thánh Hoàng đế, lập vợ A Nùng làm Minh Đức Hoàng hậu, cát cứ một phương, án ngữ một vùng biên viễn rộng lớn phía Đông Bắc nước ta. Năm 1039, vua Lý Thái Tông thân chinh dẫn đại quân đi dẹp nước Trường Sinh, Nùng Tồn Phúc và con trưởng Nùng Trí Thông bị bắt về kinh đô xử tử. A Nùng và con thứ Nùng Trí Cao chạy đến động Lôi Hỏa, thuộc địa phận tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) ngày nay. Tại đây, hai mẹ con khẩn trương tập hợp quân sĩ, ngày đêm rèn luyện võ nghệ, xây dựng lực lượng binh đao, ngựa chiến.

Năm 1041, khi đó Nùng Trí Cao 16 tuổi đã cùng mẹ A Nùng dẫn binh từ động Lôi Hỏa chiếm lại châu Thăng Do, lập nên nước Đại Lịch. Triều Lý cử đại quân lên đánh và bắt được Nùng Trí Cao dẫn về kinh đô. Sau khi xem xét, nhận định tình thế, cần trấn yên vùng biên, bảo vệ lãnh địa quốc gia, vua nhà Lý miễn tội cho Nùng Trí Cao và tiếp tục cho quản lý châu Thăng Do; đồng thời, ban cho thẩm quyền cai quản thêm một vùng rộng lớn, gồm các động: Lôi Hỏa, Bình, Bà và châu Tư Lang, sắc phong Nùng Trí Cao làm châu mục Quảng Nguyên. Năm 1043, vua Lý Thái Tông sai người đến châu Quảng Nguyên ban sắc phong cho Nùng Trí Cao chức Thái Bảo, một trong ba tước quan cao cấp nhất triều đình và giao cả đô ấn. Năm 1048, Nùng Trí Cao khởi binh ở động Vật Ác, đánh chiếm châu An Đức, thuộc đất nhà Tống (Trung Quốc) làm căn cứ địa. Hai năm sau (1050), thừa thế binh hùng tướng mạnh, Nùng Trí Cao đánh chiếm động Vật Dương (thuộc đất Tống), rồi xưng vương, lập Nam Thiên Quốc, lấy niên hiệu là Cảnh Thụy. Chiến công kế tiếp chiến công, cương vực bờ cõi rộng mở nhanh chóng. Tuy vậy, Trí Cao vẫn có ý giảng hòa với nhà Tống, năm 1051 cho người đem châu báu, vàng bạc, ngà voi đến biếu cống nhưng bị triều đình Tống khước từ.

Trước tình thế đó, năm 1052, Nùng Trí Cao dẫn 5.000 quân tiến đánh thành Ung Châu và Quảng Châu. Sau khi làm chủ Ung Châu, Trí Cao tự xưng là Nhân Huệ Hoàng đế; đổi niên hiệu là Khải Lịch, quốc hiệu là Đại Nam. Trí Cao ra lệnh phá nhà tù, đại xá tù nhân, mở các kho hậu cần, lương thực của quân Tống phân phát cho dân nghèo. Do đó, lực lượng của Trí Cao phát triển mạnh mẽ.

Năm 1053, nhà Tống cử Địch Thanh - một viên tướng nổi tiếng triều đình dẫn đầu đại quân hùng hổ đi đánh quân Nùng Trí Cao. Lần này, Trí Cao bại trận phải chạy đến vùng đất Đại Lý, thuộc tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) ngày nay.

Nùng Trí Cao sai Lương Châu về kinh đô cầu viện nhà Lý nhưng không thể cứu vãn nổi tình thế.

Để tưởng nhớ ơn đức của Nùng Trí Cao, nhân dân nhiều nơi lập miếu thờ phụng. Nhà Lý đặc chiếu sắc phong Trí Cao là Khau Sầm Đại Vương và lập đền thờ tại thôn Bản Ngần, xã Tượng Lặc, châu Thạch Lâm (nay là thôn Bản Ngần, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng). Đền thờ được nhà Lý phong Thượng Đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc tế; các triều đại sau gia phong mỹ tự: Khau Sầm tế thế, an dân hân ngoại, ninh thủy trấn dịch, anh nghị quả đoán hiển ứng thủy hưu, hộ quốc an dân Đại Vương. Đền thờ Nùng Trí Cao được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1993.

c. Đền Hoàng Lục

Đền Hoàng Lục nằm ở xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng được người dân xây dựng từ thế kỷ XI thờ An Biên tướng quân Hoàng Lục, vị tướng người Tày có công lao to lớn trong công cuộc chiến chống ngoại xâm và gìn giữ biên cương.

Tương truyền, tướng quân Hoàng Lục là một tù trưởng người Tày, sinh vào thế kỷ XI tại vùng Lũng Đính, châu Thượng Lang (nay là xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng). Là người tài giỏi, am hiểu sử sách, tinh thông binh pháp, 18 tuổi ông đã được cử làm thổ tù cai quản một vùng, được người dân kính trọng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai, thực hiện kế sách “Tiên phát chế nhân” của Lý Thường Kiệt, tướng Hoàng Lục đem quân đánh vào đất Tống, đột phá nhiều thành trì, đập tan các căn cứ hậu cần phục vụ cuộc chiến xâm lược Đại Việt của giặc. Khi quân Tống tiến vào nước ta, với lối đánh du kích táo bạo, đội quân do ông chỉ huy đã đánh phá phía sau và gây tổn hao nhiều sinh lực địch, góp phần vào chiến thắng chung của cả dân tộc.

Với công lao to lớn đó, ông đã được triều đình phong là An Biên tướng quân và giao trấn giữ một dải biên ải rộng lớn từ Cao Bằng đến tận Lạng Sơn ngày nay. Để ghi nhớ công lao của vị tướng trấn giữ biên cương, khi ông mất, nhân dân đã lập đền thờ ông ngay tại quê hương Lũng Đính.

Trước đây, lễ hội đền Hoàng Lục được tổ chức mỗi năm hai lần. Lần thứ nhất vào rằm tháng Giêng âm lịch, người dân mổ lợn, dâng rượu, xôi.. cúng lễ, cầu phúc lộc, cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống người dân yên lành với phần hội là các trò chơi như tung còn, múa lân, hát giao duyên. Đến mùa thu, sau khi gặt hái xong, người dân Lũng Đính lại chọn ngày tốt mổ lợn, làm xôi để dâng đền tạ ơn. Bây giờ, Lễ hội đền Hoàng Lục được tổ chức vào ngày 28/2 âm lịch, thu hút hàng vạn người dân Cao Bằng cùng du khách thập phương.

Ông Hà Đình Toàn, người dân xóm Đoòng Luông-Chi Choi, xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng nói: “Hàng năm, ngày 28/2 âm lịch bà con đến lễ rất đông, bản thân tôi nhà ở gần nên cứ vài ngày lại lên thắp hương cho ông, rồi ngày rằm, mừng một đều lên. Ông Hoàng Lục là một tướng quân trấn giữ biên cương, chúng tôi rất tự hào về ông”.

Đền Hoàng Lục nằm dưới những tán thông xanh trên đỉnh đồi Đoòng Linh, cạnh dòng Quây Sơn, thuộc xóm Đoòng Luông – Chi Choi, xã Đình Phong, cách biên giới Việt- Trung chừng 4 cây số. Tương truyền đây là nơi xưa kia tướng quân Hoàng Lục đắp thành, xây lũy để ngăn bước quân thù. Đền gồm 2 ngôi nhà cấp 4, diện tích chừng hơn 100m² sắp theo hình chữ “Nhị”. Đền lợp mái ngói âm dương, vì kèo bằng tre, gỗ, tuy đã được cải tạo, thay thế nhưng vẫn giữ nguyên dáng dấp và cấu trúc ban đầu. Đặc biệt, ngôi đền vẫn giữ được những bức tường trình bằng đất sét như lúc xây dựng.

Chị Vi Thị Thảo, cán bộ Văn hóa xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh cho biết: “Cơ bản đền còn giữ được nguyên bản những bức tường trình này. Theo các cụ xưa kể lại, khi xây dựng người dân đã dùng đất sét trộn mật mía đường phen, đóng khuôn ván sau đó đập, nện hỗn hợp đất đó, tạo thành các bức tường xung quanh”.

Năm 2004, đền Hoàng Lục được tỉnh Cao Bằng xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Nhiều năm qua, ngôi đền vẫn thu hút được du khách muôn phương đến cầu lộc, cầu tài, cầu bình an. Theo quan niệm dân gian, đền Hoàng Lục chính là một trong số “Thập vị Quan Hoàng” theo tín ngưỡng thờ Mẫu.

Anh Hoàng Quang Trung, một du khách đến từ tỉnh Thái Nguyên cho biết: “Tôi đánh giá đây là một ngôi đền rất linh thiêng, từ đền đến thác Bản Giốc cũng gần chỉ khoảng 30 cây số, thuận tiện cho hành trình du lịch của mình. Hàng năm tôi cố gắng bố trí thời gian để đến thắp hương đúng ngày chính lễ, sau đó xuôi qua Thác Bản Giốc. Tôi nghĩ đây cũng là một tuyến du lịch rất hấp dẫn”.

Noi gương Tướng quân Hoàng Lục, phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh giữ đất, giữ làng của thế hệ cha ông, những người dân Lũng Đính hôm nay đoàn kết một lòng, bảo vệ vững chắc từng tấc đất mà cha ông đã khai phá, giữ gìn.

Ông Hoàng Văn Thông, Chủ tịch UBND xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng nói: "Nhân dân xã Đình Phong rất tự hào và biết ơn khi có vị tướng quân có công trấn ải biên cương. Phát huy truyền thống, những năm qua

bà con Đình Phong luôn đoàn kết, không để xảy ra vấn đề phức tạp về an ninh. Bà con đoàn kết cùng nhau phát triển kinh tế, xây dựng quê hương, đặc biệt là tích cực cùng nhau tham gia bảo vệ vững chắc tuyến biên giới dài hơn 7km qua địa bàn xã”.

Nhiều thế kỷ đã trôi qua, đền Hoàng Lục vẫn còn đó bên dòng sông Quây Sơn như một địa chỉ văn hóa, lịch sử của đất nước. Tự hào về vùng đất gắn liền với chiến công của danh tướng người Tày Hoàng Lục- vị tướng có công trấn ải biên cương, đồng bào các dân tộc vùng biên Cao Bằng đang dựng xây vùng đất này ngày càng trở nên trù phú, thanh bình.

d. Đền vua Lê

Ngày 13/2 (tức ngày mùng 6 Tết Nguyên đán Bính Thân) đã diễn ra Lễ hội Đền vua Lê tại làng Đền, xã Hoàng Tung (Hòa An).

Đền Vua Lê nằm ở phía Tây Bắc thành phố Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng khoảng hơn 10 km, thuộc làng Đền, xã Hoàng Tung (Hòa An). Đền thờ Vua Lê Thái Tổ, tương truyền trong đền thờ vọng thanh kiếm và hoàng bào của nhà Vua. Đền vua Lê nằm trong quần thể di tích thành Na Lữ. Đây là trung tâm hoạt động kinh tế, văn hoá, quân sự của nhiều triều đại vua quan phong kiến xưa. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đền vua Lê là một địa điểm đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng. Tại đây đầu năm 1936, đồng chí Hoàng Đình Giọng đã chỉ thị thành lập Đoàn Thanh niên phản đế; năm 1944, đền là nơi họp hội nghị Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng; tháng 9/1945, đền là nơi tập trung tiễn đưa quân đi Nam tiến...

Năm 1995, đền vua Lê được Nhà nước xếp hạng Di tích Lịch sử văn hoá cấp Quốc gia, là nơi tập trung lễ hội, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ của nhân dân trong vùng.

Hằng năm, Lễ hội Đền vua Lê được tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch. Ngoài phần lễ được tiến hành ngay từ đêm ngày mùng 5 tháng Giêng âm lịch, phần hội bao gồm các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi dân gian như: Cờ tướng, kéo co, bịt mắt đập bóng..., thu hút đông đảo người dân tham gia.

e. Đền Quan Triều

Đền Quan Triều ngự trên địa bàn xã Hưng Đạo (Thành phố), đối diện với chùa Viên Minh. Ngôi đền thờ vị tướng tài ba, trung nghĩa Dương Tự Minh có công lớn bảo vệ giang sơn thời nhà Lý. Từ xa xưa, đền có kiến trúc mặt bằng hình chữ "Nhị", bao gồm: nhà bái đường và hậu cung. Phía bên phải đền có một gian thờ nhỏ, thờ công chúa Hồng Liên, vợ của ông. Đền đã được phong mỹ tự: "Quan Triều - Hồng Liên (Thiều Dung) công chúa thông diệp linh cảm, trợ quốc trấn biên, hoài phục tuệ tĩnh, phụng công vĩ diệt Đại Vương".

Dương Tự Minh còn được nhân dân tôn sùng là Đức Thánh Đuôm hay Cao Sơn Quý Minh. Ông là người dân tộc Tày, quê làng Bản Danh, xã Quan Triều, huyện Phú Lương (Thái Nguyên). Cha ông từng làm quan châu mục lập nhiều chiến công chống quân Tống xâm lược trên phòng tuyến Sông Cầu. Cụ thân sinh Dương Tự Minh vốn là người chính trực, giàu lòng nhân nghĩa, có bao nhiêu bổng lộc được triều đình ban đều chia cho dân nghèo nên không có nhà cao, cửa rộng như người khác. Mãi đến 70 tuổi, hai cụ mới sinh được cậu con trai kháu khỉnh, trong túp lều sáng lên lấp lánh ánh hào quang như tỏa ra từ đứa con. Vì thế, cụ ông thân sinh đặt tên cho con mình là Dương Tự Minh (tự sáng lên). Lớn lên trong gia đình được cha mẹ nuôi dưỡng dạy bảo, Dương Tự Minh trưởng thành nhanh chóng, là một thanh niên khôi ngô, tuấn tú, cao lớn, sức vóc hơn người, đặc biệt là yêu kính mẹ cha, làng, nước, thương quý dân lành.

Năm 20 tuổi, trong vùng bọn phỉ tặc nổi lên hoành hành, cướp phá, dân tình hoang mang khốn đốn, Dương Tự Minh đã tập hợp trai tráng nghĩa khí lập nên đội dân binh, quyết trừng trị bọn phỉ tặc, làng bản trở nên yên bình. Năm Đinh Mùi 1127, vua Lý Nhân Tông cho mời Dương Tự Minh lên triều, ban thưởng nhiều vàng bạc, châu báu và gả công chúa Diên Bình cho ông. Đồng thời, phong chức châu mục vùng thượng nguyên cho ông, trấn trị cả phủ Phú Lương, một địa bàn chiến lược có ý nghĩa bảo vệ vùng biên cương rộng lớn phía Bắc, gồm các châu: Thượng Nguyên, Vĩnh Thông, Quảng Nguyên, Cẩm Hóa, Vạn Nhai, Tư Nông, Tuyên Hóa; cai quản một vùng lãnh thổ rộng lớn (nay thuộc các tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, một phần Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lạng Sơn).

Năm Đại Định thứ 5 (1144), có kẻ yêu thuật người nước Tống là Đàm Hữu Lượng, tự xưng là Triệu tiên sinh vâng mệnh đi sứ dụ dỗ nước An Nam, đem quân đánh chiếm châu Quảng Nguyên gây nhiễu nhương dân lành. Nhà Lý lo sợ, bối rối, Dương Tự Minh xin vua xưng phong đi dẹp Đàm Hữu Lượng diệt giặc cứu nước. Nhà vua mừng rỡ trao cho ông thanh Thượng phong bảo kiếm, phong chức Đô đốc thống binh với các tướng lĩnh và 3 vạn quân xuất chinh. Đại quân do ông chỉ huy tiến công như vũ bão, chém chết Đàm Hữu Lượng, quân giặc tan tác không còn mảnh giáp.

Sau khi dẹp xong giặc, Dương Tự Minh ổn định lại vùng biên cương, trấn an dân tình và cùng đoàn quân tiến thẳng trở về kinh đô. Vua Lý Anh Tông sai các quan đại thần ra khỏi thành đô 10 dặm cùng nhân dân nghênh đón và cho mở yến tiệc chiêu đãi, rồi ban cho Dương Tự Minh công chúa Thiệu Dung (Hong Liên - bông sen hồng), tài sắc vẹn tròn. Ông là vị quan thanh liêm, chính trực dám đương đầu với những tên quan tham lộng hành, mưu mô xảo quyệt như

Đỗ Anh Vũ để cứu triều đình. Nhưng sự việc không thành, ông trở về vùng núi Đuôm và qua đời tại đây. Thương tiếc ông, dân gian lưu truyền rằng về đến quê nhà, ông cởi bỏ quần áo xuống tắm mát dòng sông Phú Lương, trút bỏ hết bụi trần và mặc lên bộ quần áo chàm xanh người Tày, phi ngựa bay về trời.

Nhân dân trong vùng thương xót, trân trọng, biết ơn công lao của ông đã dựng đền thờ Đức thánh Đuôm. Nhà Lý sau này truy phong ông làm Ủy Viễn Đôn Tĩnh Cao Sơn Quảng Độ Chi Thần, các triều đại phong kiến sắc phong Thượng đẳng thần, nhân dân tôn ông là Đức Thánh. Ông là phò mã hai vị vua nhà Lý, một danh tướng áo chàm nổi tiếng trung quân, ái quốc, thương dân bậc nhất trong lịch sử nước nhà.

Trên miền đất Cao Bằng, ông có công lao dẹp giặc Đàm Hữu Lượng giải phóng một vùng đất rộng lớn, bảo vệ vững chắc dải biên cương phía Bắc của nước Đại Việt. Thời kỳ làm thủ lĩnh phủ Phú Lương, Dương Tự Minh cùng công chúa Thiệu Dung (Hong Liên), thường xuyên đến vùng đất Quảng Nguyên an dân, dạy cho dân chúng biết trồng trọt, chăn nuôi, an cư lạc nghiệp. Khi ông chết, nhân dân xã Xuân Lĩnh, châu Thạch Lâm (nay là xã Hưng Đạo) quyên góp xây đền thờ Quan triều để tưởng nhớ tới công lao, đức độ của ông. Đền Quan Triều được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2008.

Hiện tại, đền Quan Triều cũ đã mai một theo thời gian, chỉ còn lại dấu tích trên nền móng được xây bằng gạch vồ thời nhà Mạc. Năm 2011, tại vị trí đền Quan Triều cũ, nhân dân dựng một ngôi đền nhỏ bằng kinh phí xã hội hóa để tiếp tục tri ân vị danh tướng người Tày Dương Tự Minh, Người có công lớn với đất nước và vợ của ông - công chúa Hồng Liên.

f. Đền Dẻ Đoóng

Đền Dẻ Đoóng còn gọi là đền Giang Động, tọa lạc ngay trên vùng đất của làng Dẻ Đoóng, xã Hồng Việt (Hòa An). Đây là ngôi đền nguyên bản thờ thần đá theo quan niệm tín ngưỡng dân gian “vạn vật linh thiêng” của dân tộc Tày, Nùng Cao Bằng, về sau có thêm chức năng thờ phật, thờ mẫu. Đây là một trong những ngôi đền thiêng được nhân dân địa phương và khách lữ hành ngưỡng vọng, cầu cúng, chiêm bái.

Tương truyền rằng, xưa kia có một chàng trai nghèo làm nghề đánh cá cần cù, tần tảo ven sông để kiếm sống. Chàng là người có hiếu với cha mẹ, sống chan hòa, khiêm nhường với mọi người trong xóm, được bà con quý mến. Đến ngày giỗ cha, chàng đi ra sông quăng chài với hy vọng sẽ được một mẻ cá để về làm giỗ, nhưng quăng mãi mà không được con cá nào. Lúc nào kéo chài lên cũng

chỉ có hòn đá hình hai người; thấy lạ chàng chấp tay cầu khẩn: “Nếu là thần thánh, xin cho một mẻ cá về giỗ cha”. Quả nhiên, ngay sau đó, chàng quăng được một mẻ cá đầy. Thấy linh nghiệm, chàng trai lấy hòn đá về lập miếu thờ ở Vò Ban. Vào một đêm mưa to, gió lớn, miếu thờ bị tốc mái, một gắp gianh bay sang đồi Riệt Rì, từ đó nhân dân đã dựng miếu thờ tại đây. Nhưng đây là địa điểm xa dân cư, đường đi lại khó khăn, xung quanh miếu chật hẹp, không đáp ứng nhu cầu tế lễ đông người nên dân bản đã dựng ngôi đền tại làng Dẻ Đoóng và rước hòn đá thần về thờ. Đến thời nhà Lê, nhà Mạc, đền Dẻ Đoóng được tu sửa lại và đưa tượng phật, tượng mẫu vào ban thờ. Trải qua bao biến thiên của lịch sử, ngôi đền mai một và được trùng tu, tôn tạo nhiều lần, tạo nên diện mạo mới cho đến ngày nay.

Tổng thể kiến trúc của đền Dẻ Đoóng theo hình chữ “đỉnh”, gồm ba gian chạy dọc, mái lợp ngói máng, tường xây bằng gạch địa phương. Trên các bức tường ngăn có trang trí họa tiết mây cuộn rồng bay, hoa lá..., mỗi gian đều có kiểu họa tiết và bố trí theo phong cách riêng.

Gian ngoài cùng hay còn gọi là gian chính điện, gian đại bái. Gian này không đặt tượng, trên quá giang có trang trí khắc họa cảnh sơn thủy hữu tình. Hai bên sảnh có vẽ hai tướng quân hùng dũng đứng nghiêm canh gác với hai con ngựa chiến. Chính giữa gian đặt bệ thờ và bát hương, phía bên phải có treo một chuông đồng nhỏ. Hai bên vách tường bên ngoài còn vẽ hai con ngựa cao lớn, trên ngực chúng có ghi hai chữ “đại mã” bằng chữ Hán. Đây là gian chủ yếu dành cho nhân dân địa phương và du khách đến thắp hương cầu tự.

Gian giữa hay còn gọi là gian trung đường, diện tích khoảng 21,5 m². Trên quá giang có khắc hai con rồng châu trắng, thể hiện nội dung đặc tả: lưỡng long châu nguyệt, rồng cuộn mây. Chính giữa gian có 3 pho tượng quan ông, các quan ông đều đội mũ cánh chuồn, tay cầm cuốn kinh thư giảng đạo. Vách tường bên trái là bệ thờ các pho tượng có hình dáng đang ngồi thiền, vách bên phải có các pho tượng phật, tượng Phật bà Quan Âm có kích thước nhỏ từ 20 - 60 cm.

Gian trong cùng hay còn gọi là gian chính điện hoặc hậu cung có diện tích khoảng 20,44 m². Đây là gian dùng để cúng tế với các lễ thức trang trọng, uy nghiêm. Bức tường chính giữa xem như bức nền được trang trí hoa văn nho, hoa lan và mây cuộn. Trong gian này đặt 3 bệ tượng 3 bậc, bậc cao nhất và bậc thứ 2 là hệ thống tượng Phật Thích ca mâu ni, bố trí mỗi bậc có 3 pho tượng ngồi trên đài sen. Giữa bệ thứ 2 bố trí pho tượng ngồi có nhiều tay, nhỏ hơn các pho tượng khác. Bệ thứ 3 là tượng thần Di Lặc, biểu tượng thần tài và có đặt

bát hương, lọ hoa cạnh đó. Phía bên trái bệ thờ có đặt tượng Đường Tăng ở giữa và tượng thần thiện, ác hai bên. Bên vách tường bên trái đặt ngai thờ hòn đá thần và bát hương cúng tế. Vách tường phía bên phải có 3 pho tượng quan ông và bát hương cầu may.

Lễ hội đền Dẻ Đoóng được tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi về trẩy hội, cầu phúc, cầu tài, cầu lộc, mong cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao truyền thống dân gian, tung bừng náo nhiệt ngày xuân.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ngôi đền đã chứng kiến các hoạt động của Đảng bộ Cao Bằng, nhiều chiến sĩ cách mạng đã qua đây nương nhờ cửa đền và bàn bạc việc nước. Ngày 15/6/1945, nơi đây tổ chức mít tinh chào mừng thành lập chính quyền cách mạng của tỉnh. Đền Dẻ Đoóng được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh ngày 4/11/2008.

g. Chùa Đồng Lân

Chùa Đồng Lân tọa lạc ở xã Hưng Đạo (Thành phố) là ngôi chùa có lịch sử lâu đời, được kiến tạo từ thời Lê - Mạc. Chùa được công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 1997.

Chùa Đồng Lân nằm trên gò Đồng Lân (tiếng Tày là Đoòng Lân), ở phía tây bắc thành phố Cao Bằng. Nguồn gốc tên “Đồng Lân” có nhiều giả thiết, gắn với những sự tích lịch sử qua nhiều thời kỳ như sự tích Thục Phán tổ chức cuộc thi “Chín chúa tranh vua” (có nhiều địa danh khác gắn với sự tích này như: Cánh đồng Tổng Chúp, cây đa Cao Bình, đôi guốc đá ở Bản Thanh, thuyền úp ở Khau Lừa). Đồng Lân là nơi chúa đi lấy trống đồng về đến đây mệt ngủ say, chuột cắn dây trống, trống lắn xuống đồi kêu vang cả một vùng, các chúa khác tưởng chúa đi lấy trống đã thắng nên bỏ dở cuộc thi nên không ai thắng. Tổng Lân là trống lắn, gọi chệch là Đồng Lân. Có giả thiết Đồng Lân là chùa nằm trên gò con Lân.

Dưới thời nhà Lý (cuối thế kỷ XI), chùa Đồng Lân được xây dựng để thờ Phật. Từ năm Tân Hợi niên hiệu Càn Thống 19 nhà Mạc, hoàng hậu nhà Mạc cho xây chùa theo hình chữ đình, có hai bên hành lang và hậu đường, tăng phòng. Sau chùa là Ly cung của nhà Mạc. Chùa là nơi để hoàng hậu, công chúa tụng kinh niệm Phật.

Trước khi chùa được xây dựng, tại gò Đồng Lân có đền thờ Trần Quý, Trần Kiên. Theo “Cao Bằng thực lục” có ghi chép nhiều chi tiết về nguồn gốc và tài năng đặc biệt của anh em Trần Quý, Trần Kiên. Cha của hai ông là Trần Triệu vì lấy được vợ tiên nên hai con trai được truyền cho nhiều phép lạ. Khi đến tuổi trưởng thành, mẹ tiên phải quay về trời, cha cũng bỏ vào núi cầu học đạo tiên,

hai anh em Trần Quý, Trần Kiên ghi nhớ lời dặn dò của cha mẹ, mang kiếm đi khắp trong vùng tìm diệt yêu quái, trừ hại cho dân. Nhớ ơn công đức hai chàng trai, nhân dân lập miếu xuân thu phụng tự. Hai vị ấy, trải qua các triều vua đều có sắc phong. Đến triều Lê, Trần Kiên được phong làm Cai Cộng Đại Vương, hạ đẳng thần; Trần Quý là Đồng Lân Đại Vương, Trung đẳng thần.

Trải qua biến cố của lịch sử, chùa Đồng Lân nhiều lần bị tàn phá, hư hại nặng, sau đó được tu sửa. Năm Thiệu Trị (1841-1847) nhà Nguyễn, ngôi chùa được dựng lại toàn bộ. Nơi thờ Trần Quý - Trần Kiên được thờ riêng ở một ngôi miếu nhỏ sát hành lang phía bên phải chùa, còn thờ phật ở gian chính điện. Thời kháng chiến chống Pháp, năm 1950, chùa một lần nữa bị tàn phá.

Ngoài ra, theo nguồn tư liệu cung cấp của một số cụ cao tuổi ở xã Hưng Đạo, trước đây trong chùa còn có bát hương thờ Thạch Sanh. Đây là một nhân vật trong truyền thuyết của người dân tộc Tày. Thạch Sanh chém chết chằn tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Ngày 15/1/1997, chùa được UBND tỉnh cấp Bằng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Năm 2004, chùa được nhà nước cấp vốn đầu tư tôn tạo ngôi tam bảo, bổ sung nhiều tượng Phật, cải tạo khuôn viên chùa. Tuy nhiên, kiến trúc ban đầu của chùa không còn được giữ lại nguyên vẹn. Các hiện vật như: chuông, tượng phật, câu đối..., từ xưa không còn giữ được. Chỉ có những hiện vật mới được các phật tử cung tiến sau này.

Chùa Đồng Lân hiện nay có khuôn viên khá rộng. Cổng tam quan được xây dựng vững chãi, trang trọng. Nhìn từ ngoài vào thấy dòng chữ “Tù bi”, nhìn từ trong ra thấy dòng chữ “Hỷ xả”.

Chùa gồm nhà thờ chính với 5 gian tiền đường và một gian chính điện. Ngoài ra còn có một nhà thờ tổ (3 gian). Mái chùa lợp ngói máng, có trang trí lưỡng long châu nguyệt. Từ sân chùa phải qua 9 bậc thềm mới lên đến lớp kiến trúc đầu tiên là tiền đường (nhà bái đường). Các cửa đều xây theo hình cuốn vòm.

Tiền đường rộng rãi, cao thoáng, gồm 5 gian. Gian giữa đặt một bệ thờ có bày tượng phật quan âm nghìn mắt, nghìn tay. Gian bên phải là ban thờ Đức Thánh Trần Quý - Trần Kiên và đặt tượng Đức ông. Gian bên trái là ban thờ Thạch Sanh. Giữa bái đường và chính điện có một khoảng cách quá cảnh là một khoảng trống dùng để lấy ánh sáng.

Gian chính điện (gian tam bảo) có hai lớp bệ thờ. Lớp cao nhất giáp với mái chùa đặt 3 pho Tam thế tượng trưng cho chư Phật thuộc về 3 đời: quá khứ, hiện

tại, vị lai. Ba pho Tam thế có kích thước và hình dáng giống nhau được đặt ngồi trên tòa sen. Lớp bệ thờ thứ hai có 3 pho tượng cùng dãy gọi là Di đà tam tôn. Ngồi giữa là tượng Phật A di đà được tạc khá lớn. Hai bên là các tượng Bồ tát, tượng Thánh tăng, được sắp thành hàng từ thấp lên cao, uy nghi, trang nghiêm. Trên hai cột chính của gian chính điện có hai câu đối:

Thiên niên công đức truyền tam bảo

Nhất niệm minh tâm tự cứu thiên

Tạm dịch:

Ngàn năm công đức truyền tam bảo

Một cái niệm thấu chín tầng mây

Trong sân chùa có đặt tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát bằng cẩm thạch trắng cao 3m tay cầm bình nước cam lộ. Phía sau nhà thờ chính là điện thờ mẫu với ba ban thờ: ban Thánh mẫu (chính điện), ban Sơn trang, ban Trần Triều. Phía trên điện thờ chính có hình tượng đôi Thanh xà - Bạch Xà vắt ngang.

Năm 2007, được sự nhất trí của UBND tỉnh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cắt cử sư về trụ trì tại chùa, phục vụ tự do tín ngưỡng của nhân dân. Chùa là nơi để các tín đồ Phật giáo nhiều nơi trong tỉnh đến lễ Phật vào ngày mùng Một, ngày Rằm hàng tháng.

Hội chùa vào ngày mùng 8 tháng Giêng âm lịch hằng năm với nhiều hoạt động: tụng kinh niệm Phật, xóc quẻ cầu phúc, cầu tài, thắp hương hái lộc, tổ chức các trò chơi dân gian..., thu hút khách thập phương đến trải hội đông vui.

h. Chùa Viên Minh

Chùa Viên Minh (Viên Minh Tự), còn có tên gọi là chùa Đà Quận, tọa lạc trên một gò đất rộng, cảnh trí bình yên tại thôn Đà Quận, xã Hưng Đạo (Thành phố). Là một trong các ngôi chùa cổ nhất của Cao Bằng, được dựng lên để thờ Phật với quy mô khá lớn so với các chùa, miếu trên địa bàn Thành phố. Đối diện chùa là đền Quan Triều, thờ danh tướng Dương Tự Minh, tổng trấn Phú Lương thời nhà Lý. Chùa và đền chung nhau một khuôn viên.

Tương truyền, chùa Viên Minh được xây dựng từ thời vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) trên một vùng đất tựa con rồng, cảnh đẹp nổi danh thơ mộng, khí thiêng trong lành. Trải qua bao biến cố lịch sử, ngôi chùa bị mai một, hoang phế. Cuối thế kỷ XVI, nhà Mạc lên Cao Bằng, đóng đô ở Cao Bình (nay thuộc xã Hưng

Đạo, thành phố Cao Bằng) đã quan tâm trùng tu, tôn tạo, xây dựng lại trên nền đất xưa. Đến thời hậu Lê, chùa được trùng tu, mở rộng tiền đường, sửa sang phật điện. Viên Minh trở thành ngôi chùa nổi tiếng linh thiêng, thu hút khách lữ hành vượt bao dặm trường về đây hương, bái, dự lễ chùa. Trong chùa có câu đối: Viên Minh thần tích hưng tiền Lý/Đà Quận thần chung chú hậu Lê (đại ý là Viên Minh xây dựng trước từ thời Lý/Chuông thần Đà Quận đúc sau thời Lê (thời nhà Lê sơ)).

Chùa Viên Minh xưa có kiến trúc hình chữ "Đình", hướng phía Tây Bắc, gồm: nhà đại bái, hay còn gọi là tiền đường, bên trong nữa là trung đường và phật điện dài 5 gian. Các cụ cao tuổi cho biết: Ở gian tiền đường có hai bức tượng hộ pháp cao lớn uy nghi, bố trí hai bên tả hữu. Dọc hai bên hành lang gian trung đường có đặt hệ thống tượng thập bát La Hán, bên trong là bộ tượng nghìn tay, nghìn mắt. Tại nơi trung tâm chính điện có đặt bộ thờ tam cấp, vị trí cao nhất là 3 bức tượng tam thể tượng trưng cho ba kiếp: quá khứ, hiện tại và tương lai; vị trí thứ hai là các tượng Thích Ca với nhiều thể ngồi thiền; sau cùng là tượng Thích Ca Sơ Sinh và tòa cửu long với 9 con rồng vây quanh. Trên bộ này có đặt bát hương lớn để dâng hương, tế lễ nơi cửa phật.

Ngôi chùa Viên Minh hiện nay được đầu tư, tôn tạo trên nền đất cổ xưa, có sự thay đổi vị trí đặt các bộ tượng. Các gian tiền đường, trung đường xây bằng gạch, mái lợp ngói âm dương, bờ mái được đắp hai con rồng châu trắng; trước cửa chùa có ghi ba chữ "Viên Minh Tự". Hiện vật trong chùa gồm: 3 pho tượng phật, một tượng phật bà Quan Thế âm bồ tát ngồi thiền, một tượng nghìn tay, nghìn mắt. Hầu hết các loại tượng này đều nhỏ và mới được đưa vào chùa cùng với 4 câu đối.

Đặc biệt, trong chùa có hai quả chuông đồng cổ đúc từ năm 1611 và được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 4/9/1995. Chuông chùa Đà Quận được coi là chuông thần hay thần chuông, thuộc loại lớn nhất ở Việt Nam. Một chuông đặt ở chùa Viên Minh, một đặt ở đền Quan Triều. Trên chuông có khắc bài minh chuông bằng chữ Hán, ngợi ca cảnh trí sơn thủy, hữu tình châu Thạch Lâm, Đà Quận; vẻ đẹp trầm mặc chùa Viên Minh đối diện đền thờ Dương Tự Minh, ngân vang chuông thần ngày đêm và việc trùng tu, tôn tạo ngôi chùa; khắc ghi công lao Khanh hiền họ Lê đã giúp thánh chúa nhà Mạc xây dựng, tôn tạo nhà chùa.

Trên chuông ghi rõ niên đại đúc chuông: chỉ thập cửu niên Tân Hợi cốc nhật năm 1611, niên hiệu Càn thống, triều vua Mạc Kính Cung. Nghiên cứu đặc điểm quả chuông, niên đại khắc trên thân chuông và bài minh chuông có thể

khẳng định đây là di vật thời nhà Mạc. Bài minh chuông như một áng thơ 4 chữ rất hay, một minh chứng sống động khắc họa vài nét quá khứ thời nhà Mạc tại kinh đô Cao Bình, là nguồn tư liệu lịch sử quý để khai thác, nghiên cứu lịch sử địa phương và lịch sử quốc gia, dân tộc.

Lễ hội chùa Viên Minh được tổ chức từ đêm mừng 8 đến ngày mừng 9 tháng Giêng âm lịch hằng năm. Phần lễ dâng hương, cúng tế được tiến hành từ tối mừng 8; phần hội có những hoạt động phong phú, sôi nổi với các trò chơi dân gian cờ tướng, cờ người, kéo co, đẩy gậy và các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng sinh động vui tươi trong những ngày đầu xuân. Hoạt động của nhà chùa đã thu hút đông đảo nhân dân địa phương và khách tham quan du lịch đến dâng hương, chiêm bái.

Năm 2008, chùa Viên Minh được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Chùa cần có sự quản lý tốt hơn và tiếp tục trùng tu, tôn tạo, khai thác hiệu quả di sản văn hóa quý báu phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, góp phần xây dựng kinh tế - xã hội địa phương.

i. Chùa Phố Cũ

Chùa Phố Cũ tọa lạc giáp 3 mặt đường phố, nằm gần cuối đường Phố Cũ, phường Hợp Giang (Thành phố). Trải qua bao thăng trầm lịch sử, ngôi chùa không còn nguyên vẹn gốc tích như xưa mà đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần và nội dung thờ tự tín ngưỡng cũng được bổ sung, thay đổi cho đến ngày nay. Chùa Phố Cũ được dựng trên diện tích mặt bằng với quy mô khá lớn so với các chùa, miếu ở Cao Bằng.

Xuất xứ của ngôi chùa bắt đầu từ một ngôi miếu nhỏ được dựng lên vào đời vua Lê Hy Tông, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 3 năm 1679 trên nền đất hiện tại.

Xưa kia, các đoàn thương gia của người Hoa sang giao lưu buôn bán thường dừng chân nghỉ ngơi ở đây; sau nhiều lần, họ linh nghiệm rằng, chính vùng đất này đã giúp họ vượt qua khó khăn, gặp nhiều may mắn là nhờ có Quan Vân Trường, một vị tướng tài ba thời Tam quốc của Trung Quốc hiển thánh cư mang và lập nên miếu thờ để ghi nhớ công ơn với tên gọi là miếu Quan Đế. Thời nhà Nguyễn, khởi đầu từ vua Gia Long (1802 - 1820) đến các vị vua kế tiếp, miếu được sửa sang, xây dựng lại theo phong cách mới và được gọi là chùa với chức năng thờ “Tiền thánh, hậu Phật”. Chùa Phố Cũ vì vậy mà mang đậm nét dấu ấn kiến trúc nhà Nguyễn, gian tiền đường có ghi Thành Thái bát niên, gian trung đường ghi Bảo Đại nguyên niên. Chùa còn lưu lại được 5 tấm bia đá, gồm: bia Gia Long (1814), bia Minh Mạng (1825), bia Tự Đức (1858), bia Tự Đức (1876), bia Thành Thái (1893) ghi lại công đức tu sửa chùa.

Trải qua thời gian dài chùa mai một xuống cấp, năm 1945, nhân dân địa phương quyên góp trùng tu, xây thêm lầu ở hai cung chính, kiến trúc hoa văn kiểu hoa thị, đắp rồng châu thời nhà Nguyễn. Sau khi đền thờ Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ở Phổ Thầu không còn nữa, nhân dân đã chuyển sang thờ tại chùa Phổ Cũ.

Sau chiến tranh năm 1979, chùa bị phá hoại, các loại đồ thờ bị xáo trộn, một số được chuyển đến đền Ngọc Thanh, còn lại được giữ tại chùa như: hương án cao 1,2 m, dài 1,85 m, rộng 1,6 m được sơn son thiếp vàng, có chạm trổ mặt hổ và các vân xoắn. Trải qua thời gian dài và ảnh hưởng chiến tranh nhưng hương án vẫn còn nguyên vẹn về cổ kính của nó; bên cạnh đó còn giữ được ngai thờ chạm đầu rồng, tay kiệu, lâu, bài vị, mâm bồng, cây nến và một số hiện vật bằng sứ (bát hương, lọ hoa).

Hiện tại, đến với chùa Phổ Cũ, từ ngoài cổng đi vào có 2 bức tượng to 2 bên, tượng Quan Thánh Đế Quân ở bên trái và tượng Văn Xương Đế Quân ở bên phải. Cửa chính có bức hoành phi khắc chữ nổi trên tường ghi ba chữ Hán “Hiển Thánh Cung”. Gian bên phải thờ các vị Nhị Thập Bát Tú, bàn thờ của Hiếu Khương Hoàng Hậu, bàn thờ Đức Thánh Trần. Tại gian chính cung, ở giữa là bệ thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, các vị thần thiên đình và hạ giới; bên trái thờ Đức Thánh hiền, bên phải thờ Đức Ông.

Từ đó đến gian hậu cung được nối bởi một hiên, bên phải hiên có gác chuông. Hậu cung có 4 cửa ra vào bằng gỗ, mỗi cánh cửa đều có rồng đắp nổi trong khung hình chữ nhật, dưới khung là hoa cúc đắp nổi màu đẹp nền nã. Trong gian hậu cung gồm 3 cấp thờ: cấp thờ ở vị trí cao nhất là thờ Phật Tam Thế Chương Phật, gồm 3 pho tượng ngồi xếp bằng trên các tòa sen nhiều cánh. Cấp thờ thứ hai thấp hơn có đức Phật A Di Đà; cấp thứ ba là các tượng phật Thích Ca Mâu Ni, A Nan Tôn Giả, Ca Diếp Tôn Giả.

Bên cạnh những giá trị văn hóa, tín ngưỡng, chùa Phổ Cũ còn mang giá trị lịch sử cách mạng. Tại đây, ngày 22/8/1945, đông đảo nhân dân các dân tộc thị xã Cao Bằng tuần hành, thị uy, biểu dương lực lượng cách mạng trên các trục đường phố, sau đó hội tụ về sân chùa tổ chức cuộc mít tinh rầm rộ với quy mô lớn để làm lễ công bố ra mắt UBND lâm thời tỉnh Cao Bằng và thành lập UBND lâm thời Thị xã. Đây là sự kiện chính trị trọng đại lật đổ tầng lớp thống trị tay sai, phong kiến, thực dân, giành chính quyền về tay nhân dân, chính quyền cách mạng chính thức ra đời.

Chùa được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh ngày 31/12/2002. Lễ hội chùa Phổ Cũ được tổ chức vào ngày 2/2 âm lịch hằng năm.

Nhân dân địa phương tổ chức rước kiệu, mổ bò, mổ lợn dâng hương tế lễ; có năm còn bày mâm ăn uống chung làm cho không khí hội chùa đầu xuân càng thêm tung bừng, đoàn kết, đông vui. Hiện nay, chùa có Ban Quản lý để bảo quản cơ sở thờ tự và phục vụ người dân, khách lữ hành đến dâng hương cầu phúc, cầu lộc.

j. Chùa Sùng Phúc

Theo sách Đại Nam nhất thống chí và sách Việt Nam dư địa chí, chùa Sùng Phúc có tên là Sùng Phúc tự, thuộc xã Lệnh Cẩm, tổng Lệnh Cẩm, châu Hạ Lang, nay là thị trấn Thanh Nhật (Hạ Lang).

Ban đầu, ngôi chùa có tên là chùa Sùng Khánh được xây dựng từ thời vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) trên đỉnh núi Pò Kiền (tiếng Tày, Nùng địa phương gọi là Pò Kén), phía sau làng Nà Én, xã Lệnh Cẩm. Đến đời vua Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782), chùa được di dời về dựng trước làng Huyền Du như vị trí hiện tại và đổi tên thành chùa Sùng Phúc với hàm nghĩa sâu xa là suy tôn, sùng bái, quý trọng phúc đức, hướng mọi người tới chân thiện, tránh xa tà ác. Trải qua bao biến thiên lịch sử của các triều đại, chùa Sùng Phúc được tu tạo nhiều lần và bổ sung thêm nội dung thờ tự của các nhân vật lịch sử có công với đất nước.

Tổng thể khuôn viên chùa hình chữ nhật theo hướng Bắc - Nam, cổng khuôn viên hướng Nam; trong khuôn viên có chùa Sùng Phúc, hai miếu thờ và một bia đá. Chùa có kiến trúc hình chữ nhị, được xây dựng bằng gạch, mái lợp ngói máng, hoa văn trang trí đơn giản mang dấu ấn nhà Lê. Chùa thờ Phật giáo, gian hậu cung có tượng Phật Quan Âm, phía trước đặt bát hương; các tượng Phật khác và một số đồ thờ nay đã không còn. Gian tiền đường thờ thần nàng Vi Đồ, chính là bà Nguyễn Thị Duệ, quê làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh (Hải Dương). Năm 10 tuổi, bà cùng gia đình theo nhà Mạc chạy lên Cao Bằng và đã giả trai theo học Trường Quốc học Bản Thanh, Cao Bình (Hòa An). Năm 1616, bà thi đỗ Tiến sĩ - nữ Tiến sĩ duy nhất của khoa bảng phong kiến Việt Nam. Sau đó, Nguyễn Thị Duệ được vua Mạc Kính Cung mời vào triều đình để dạy các phi tần, cung nữ. Khi quân Trịnh - Lê tiến đánh Cao Bằng, nhà Mạc thất thủ, Nguyễn Thị Duệ vào chùa Sùng Phúc ẩn náu. Tại đây, bà giảng dạy kinh thư, truyền bá đạo lý nhà Phật cho dân chúng, có công lớn với nhà chùa và được nhân dân mến mộ kính phục. Khi phát hiện ra bà, quân sĩ đưa bà về Thăng Long, trước phẩm chất và sự khí khái của bà, triều đình nhà Lê rất trân trọng và mời vào cung đình làm quản giáo, truyền dạy đạo lý cho con cháu các bậc vương giả.

Ngôi miếu dựng ở góc Đông Bắc của khuôn viên Thành hoàng chính thờ từ trưởng Hoàng Nghệ, người có công lớn chỉ huy quân chặn đánh, bắt sống

Thoát Hoan và A Thai đang trốn theo đường bộ qua châu Tư Lang (Hạ Lang ngày nay), sau khi bị nhà Trần đánh bại. Miếu Thành hoàng ở góc Tây Nam khuôn viên thờ nhân thần Nguyễn Đình Bá, quê ở phủ Khoái Châu (Hưng Yên) giữ chức Đốc đồng Cao Bằng, thời hậu Lê là một vị quan thanh liêm đẹp giã, cứu dân lành, được triều đình phong sắc Đại vương, trung đẳng thần, nhân dân tôn trọng, quý mến. Đến nay, chùa Sùng Phúc còn lưu giữ được 2 tấm bia đá, 1 tấm có niên đại Cảnh Hưng năm thứ 43 (1782) và 1 tấm có niên đại Thành Thái Ất Tỵ năm 1905. Nội dung 2 tấm bia nêu khái quát lịch sử hình thành ngôi chùa và danh sách những địa phương, cá nhân có công đức xây dựng, tu sửa chùa. Chùa còn có 3 sắc phong của 3 đời vua triều Nguyễn, đó là Đồng Khánh, Duy Tân và Khải Định.

Hiện, chùa Sùng Phúc có một số thay đổi về các đồ thờ tự và sắp xếp lại các pho tượng ở gian hậu cung, ngay trong sân chùa phía bên trái từ cổng vào dựng thêm 1 tháp chuông, treo 1 chiếc chuông đồng nhỏ do Công ty cổ phần Khoáng sản Tây Giang cung tiến. Gian bái đường đặt tượng Phật bà Quan Âm bằng đá trắng; gian hậu cung có 3 bệ thờ, bệ thờ chính là 3 lớp tượng Phật bằng đá trắng mới được cung tiến, gồm: phía trên cùng là 3 pho tượng Tam thế, tượng trưng cho nhà Phật quá khứ, hiện tại và tương lai; lớp thứ 2 đặt pho tượng Thích ca mâu ni; lớp thứ 3 chính giữa là toàn Cừ long (Thích ca sơ sinh), hai bên là Phổ hiền Bồ tát và Văn thủ Bồ tát. Bệ thờ phía bên trái là tượng Đức ông, bên phải đặt tượng Đức Thánh hiền.

Lễ hội chùa Sùng Phúc được tổ chức vào ngày 15 đến hết ngày 16 tháng Giêng âm lịch hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân địa phương trong tỉnh và du khách thập phương nô nức du xuân, trải hội. Về phần lễ, sau khi chuẩn bị hoàn chỉnh các mâm lễ vật, lợn quay; lễ rước kiệu Quan âm Bồ Tát, kiệu Thành hoàng bắt đầu từ miếu Thổ công qua các đường phố chính dẫn đến chùa. Phần lễ dâng hương tiến hành theo nghi thức truyền thống, chủ tế là cụ ông cao niên có uy tín trong cộng đồng dân cư thấp hương, đọc văn tế báo cáo với trời đất, tổ tiên, Thành hoàng và các bậc tiên liệt tại vị trong chùa về tình hình kinh tế - xã hội năm qua của địa phương; bày tỏ lòng biết ơn Phật tổ và các bậc nhân thần có công với dân, với nước. Mong các bậc tiên liệt và nhà Phật phù hộ cho một năm mới an lành, người người mạnh khỏe, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu. Kết thúc phần lễ là phần hội với các trò chơi dân gian kéo co, đẩy gậy, múa rồng, múa lân, võ cổ truyền, tung còn, nhảy bao, hát Then, Hà Lều, Sli Giang... mang đậm bản sắc dân tộc.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, ngày 29/1/1993, Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quyết định số 68/VH-QĐ xếp hạng chùa Sùng Phúc là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

k. Chùa Vân An

Ngày 30/1 (mùng 9 tháng Giêng), tại huyện Bảo Lạc, nhân dân tổ chức Lễ dâng hương chùa Vân An, Lễ rước kiệu miếu Quan Đế và Lễ hội xuân xã Đình Phùng Xuân Quý Mão 2023.

Chùa Vân An tọa lạc tại chân núi Vân Trung, thuộc xóm Nà Chùa, thị trấn Bảo Lạc. Chùa thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, Quan thế âm Bồ Tát. Chùa được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2006.

Di tích miếu Quan Đế (hay gọi là đền Quan Thánh Đế) nằm ở trung tâm thị trấn Bảo Lạc, là Di tích lịch sử văn hóa tín ngưỡng, nơi người dân, du khách thập phương đến tham quan, chiêm ngưỡng.

Miếu Quan Đế được xây dựng khoảng cuối thế kỷ thứ XV, thờ Quan Vân Trường (còn gọi là Quan Vũ, Quan Công), một vị tướng thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Miếu còn là nơi thờ hai trung thần thời hậu Lê là Nông Văn Khoan và Bế Nguyễn Hào. Nông Văn Khoan là “phiên thần” thời Lê Hiến Tôn, sắc phong triều hầu; Bế Nguyễn Hào là Sảng Quận công. Ngày 30/12/2013, miếu Quan Đế được UBND tỉnh công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Năm 2017, miếu Quan Đế được đầu tư tu sửa, nâng cấp lại, đáp ứng nhu cầu của bà con, du khách thập phương đến dâng hương, tham quan. Miếu thờ các vị trung thần, theo quan niệm của người dân, tính trung hiếu của các vị trung thần sẽ đem lại điều tốt lành cho mọi người. Hằng năm, cứ đến ngày mùng 9 tháng Giêng, nhân dân lại tổ chức rước kiệu miếu Quan Đế để cầu một năm quốc thái, dân an, người người mạnh khỏe, công việc thuận buồm, xuôi gió, vạn sự hanh thông...

Hội xuân xã Đình Phùng được tổ chức tại sân thao trường xã Đình Phùng thuộc xóm Bản Mioỏng. Hội xuân diễn ra các hoạt động: giao lưu văn nghệ, giao lưu bóng chuyền, các trò chơi dân gian kéo co, đánh quay, lầy cỏ...; thi trưng bày mâm ngũ quả của các đội trong xã thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương đến tham gia vui xuân, trải hội.